TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nhân;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Phước và Nguyễn Cao Thế

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Quốc Khánh , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương sơn, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Vào hồi 09 giờ, ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim II, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST- HS, ngày 03/5/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh 10/7/1987; Nơi cư trú: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn H (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, Sinh năm 1944; Hiện trú tại thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Anh chị em ruột: Có 8 người, Sử là con thứ 8; Vợ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; Con: 02 đứa, đầu sinh năm 2007, út 2015. Vợ con hiện đang trú tại thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/3/2018 đến ngày 03/3/2018 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh.

* **Người bị hại**:

1. Anh Trần Thế Đ, sinh năm 1989; Trú tại: Thôn T, xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Nghề nghiệp: Buôn bán.(Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng(Có mặt)

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan**:

1. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; Trú tại: thôn Q, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Làm ruộng (Có mặt)

2. Bà Phan Thị L1, sinh năm 1962: Trú tại: Thôn K, xã S1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Trung N1, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn K, xã S2, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: khoảng 19 giờ, 30 phút, ngày 11/01/2018, Nguyễn Văn S trên đường đi từ xã S2 về nhà. Khi đi qua dãy nhà trọ của gia đình bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1975, ở khối 5 thị trấn T thì phát hiện thấy trong sân nhà bà Lân có 01 chiếc xe máy Jupiter mang biển kiểm soát 99Y1-49A của anh Trần Thế Đ sinh năm 1989 ở xã T1, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, hiện đang tạm trú tại khối 5, Thị trấn T không có người trông coi nên S nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe máy này để làm phương tiện đi lại. Sau đó, S điều khiển chiếc xe JUPITER của mình đến để trước quán cà phê T ở gần đó (thuộc khối 4, Thị trấn T) rồi đi bộ vào khu vực sân của dãy trọ nhà bà L2. Tại đây, S đi lại vị trí để chiếc xe máy định lấy trộm thì thấy xe không tắt khóa điện, quan sát không thấy người xung quanh nên S đã ngồi lên xe, nổ máy điều khiển đưa xe về nhà cất dấu. Trên đường về, khi đi đến khu vực cầu Đ giao nhau giữa xã S1 và S thì S dừng lại tháo biển kiểm soát vứt xuống khu vực sông N (cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được). Sau khi trộm được xe máy nói trên S đã dùng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Đến ngày 01/3/2018, biết được hành vi trộm cắp xe máy của mình đã bị cơ quan chức năng phát hiện nên đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời giao nộp chiếc xe máy nói trên. Kết quả định giá của cơ quan chuyên môn xác định chiếc xe Nguyễn Văn S trộm cắp trị giá 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra mở rộng, cơ quan điều tra còn chứng minh được ngoài vụ trộm xe máy nói trên, Nguyễn Văn S còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: Do biết được nhà bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1962 trú cùng thôn với S có 01 con bò cái, lông màu vàng, khoảng 4 năm tuổi, thường không được trông coi cẩn thận nên S nảy sinh ý định lấy trộm con bò này bán để lấy tiền tiêu xài cho cá nhân. Khoảng 17 giờ ngày 26/02/2018, Sử điều khiển chiếc xe máy Jupiter đã lấy trộm được trước đó đi đến nhà bà Phan Thị L1 sinh năm 1962, trú tại thôn K, xã S1 để mượn chiếc xe kéo tự chế, mục đích để chở bò sau khi bắt trộm được đi bán. Sau đó, S đã cất dấu chiếc xe kéo tại bãi đất trống gần cầu Đ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, S đi bộ đến nhà bà Y, rồi đi vào khu vực chuồng bò, S mở dây thừng dắt trộm 01 con bò khoảng 4 năm tuổi, lông màu vàng, bò đang mang thai 07 tháng của bà Y đi ra khu vực cất dấu xe từ trước. Tiếp đó, S dắt bò lên xe kéo rồi điều khiển xe máy kéo theo xe kéo chở bò đi đến bán cho ông Nguyễn Trung N1, trú tại thôn K, xã S2 làm nghề giết mổ gia súc, với giá 10.450.000đ. Khi mua bò ông N1 không biết nguồn gốc do trộm cắp mà có. Con bò này sau đó ông N1 đã làm thịt bán được số tiền 12.360.000đ. Kết quả định giá của cơ quan chuyên môn xác định con bò của bà Y trị giá 10.000.000 đồng.

Với các hành vi trên, cáo trạng 10/2018/CT-VKS, ngày 01/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

* Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc, số khung RLCYS5B9609Y066657, số máy 5B96-066671, xe đã qua sử dụng, đã trả lại cho anh Trần Thế Đ.

- 01 chiếc xe kéo làm bằng kim loại, xe đã qua sử dụng, đã trả lại cho bà Phan Thị L1.

- 01 đoạn dây thừng màu trắng đục dài 4,75m, dây đã qua sử dụng, đã chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Số tiền 12.360.000 đồng, đã trả lại cho ông Nguyễn Trung N1;

* *Về trách nhiệm dân sự*: Các bị hại anh Trần Thế Đ sau khi nhận lại được chiếc xe máy và bà Trần Thị Hải Y được gia đình Nguyễn Văn S bồi thường số tiền 10.000.000đ, nên không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS 2015; điểm a, c khoản 2, điểm b,khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 15 đến 18 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

- Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 BLHS 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy một đoạn dây thừng màu trắng đục, đường kính 0,5 cm, dài 4,75m không có giá trị sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn S đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản gây thiệt hại tài sản 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) gồm:

- Ngày 11/01/2018, Nguyễn Văn S lấy trộm của anh Trần Thế Đ, sinh năm 1989, quê ở Bắc Ninh, tạm trú tại khối 5 thị trấn T một chiếc xe máy Jupiter, biển kiểm soát 99YY1- 49A, trị giá 7.000.000 đồng.

- Ngày 26/02/2018, Nguyễn Văn S lấy trộm một con bò cái 04 năm tuổi đang mang thai khoảng 7 tháng của bà Trần Thị Hải Y, ở thôn Q, xã S, huyện H, trị giá 10.000.000đ.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng trong nhân dân.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng "*phạm tội 2 lần trở lên*" được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 và có các tình tiết giảm nhẹ gồm: tự nguyện tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại; thành khẩn khai báo; đầu thú, có bố là người có công cách mạng được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, các bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[5] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xử bị cáo Nguyễn Văn S mức án từ 15 đến18 tháng tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên Hộiđồng xét xử miễn xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng gồm: một chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen bạc, số khung RLCYS5B9609Y066657, số máy 5B96-066671; một chiếc xe kéo làm bằng kim loại và số tiền 12.360.000 đồng, Cơ quan điều tra đã xử lý, trả lại cho người bị hại và chủ sở hữu hợp pháp trong quá trình điều tra, phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 106 BLTTHS, khoản 3 Điều 131 BLDS 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với vật chứng là một đoạn dây thừng màu trắng đục, đường kính 0,5 cm, dài 4,75m là công cụ liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 BLHS 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Đối với bà Phan Thị L1 đã có hành vi cho S mượn chiếc xe bò kéo nhưng không biết mục đích của S là để đi trộm bò; anh Nguyễn Trung N1 đã mua con bò do S trộm cắp mà có nhưng anh N1 không biết nguồn gốc bò do S trộm được nên hành vi đó không cấu thành tội phạm.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Về tính hợp pháp của quyết định và hành vi của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra huyện H, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm a, khoản 1, Điều 47; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3, Điều 106; Điều 331, Điều 333; khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 18 (mười tám) tháng tù . Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (01/3/2018).

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy một đoạn dây thừng màu trắng đục, đường kính 0,5 cm, dài 4,75m. Đặc điểm tình trạng vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 26/4/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THA Dân sự H;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thành Nhân